

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **03/2021/KDTM-ST**

Ngày 30/12/2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
chuyển nhượng Quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Huệ**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Châu Văn Nhâm**.

2. Ông **Lữ Quốc Toàn**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông **Đỗ Văn Thiêm**.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên**.

Vào ngày 30/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2021/TLST- KDTM ngày 10/11/2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐST-KDTM ngày 10/11/2021, Thông báo tạm dừng việc xét xử số 378/TB -TA ngày 25/1/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2021/QĐST-KDTM ngày 10/12/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty Cổ phần phát triển RĐ**.

Trụ sở: 205/2 Bàu Lùng, xã Tân Hiệp, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Đại diện theo pháp luật: Bà Trương Thị Mỹ L, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số 642/43/2 Khu phố 1, Lê Đ, phường 15, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Văn D, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp Bảo Thi, xã X, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: **Công ty TNHH MTV DV chăn nuôi TP**

Trụ sở: Số 36/4, ấp T, xã X, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: 2/143, ấp Đ, xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1956.

Địa chỉ: 2/143, ấp Đ, xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1956

Địa chỉ: 2/143, ấp Đ, xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà **Đỗ Thị T**, sinh năm 1948

Địa chỉ: 205/2 B, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

- **Người làm chứng: Ông Huỳnh Thành H**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: 271/7B ADV, phường 3, Quận N, thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông D có mặt, các đương sự khác vắng mặt tại phiên tòa)

NHẬN THẤY

* Theo đơn khởi kiện ngày 01/7/2019, trong quá trình làm việc và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện của nguyên đơn, ông Ngô Văn D trình bày: Vào tháng 12 năm 2018, Công ty Cổ phần phát triển RĐ (gọi tắt là Công ty RĐ) ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và trang trại, vật dụng, hoa màu trên đất số 12/HĐKT.2018 ngày 13/12/2018 với Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ chăn nuôi TP (gọi tắt là Công ty TP). Theo đó, Công ty TP chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất diện tích thể hiện trên 07 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khoảng 17 ha và toàn bộ trang trại, tài sản khác gắn liền với đất; đồng thời chuyển tiếp thời gian thực hiện hợp đồng cho thuê trang trại với Công ty Cổ phần chăn nuôi CP. Việt Nam – chi nhánh heo giống cho đến khi hoàn tất hợp đồng cũng như chuyển giao phần tiền vay ngân hàng cho Công ty RĐ. Giá chuyển nhượng các bên thể hiện trong hợp đồng là 33.000.000.000đ (Ba mươi ba tỷ đồng). Các bên thỏa thuận tiến độ thanh toán như sau:

- Đợt 1: Thanh toán 8.000.000.000đ (tám tỷ đồng) ngay khi ký kết hợp đồng.
- Đợt 2: Chuyển giao phần dư nợ ngân hàng tạm tính là 19.000.000.000đ (mười chín tỷ đồng).
- Đợt 3: 06 tháng sau kể từ ngày chuyển giao dư nợ ngân hàng thanh toán hết phần còn lại khoảng 5.000.000.000đ (năm tỷ đồng) đến 6.000.000.000đ (sáu tỷ đồng).

Ngoài ra trong hợp đồng trên, các bên còn thỏa thuận: chuyển tiền cho thuê trang trại với công ty CP hoặc chuyển giao tên trên hợp đồng cho thuê trang trại; chuyển nhượng cổ đông và thay đổi người đại diện pháp luật trên giấy đăng ký kinh doanh của Công ty TP.

Thực hiện hợp đồng, Công ty RĐ đã thanh toán số tiền đợt 1 cho Công ty TP số tiền 8.000.000.000đ (tám tỷ đồng). Hai bên có lập biên bản giao nhận tiền và bàn giao tài sản, có đóng dấu xác nhận của hai công ty. Tuy nhiên, do Công ty TP không tạo điều kiện cho bên Công ty RĐ trả nợ ngân hàng Agribank và không đi giải chấp, ký hợp đồng công chứng nên Công ty RĐ không thể thực hiện được việc sang tên trên hợp đồng chuyển nhượng. Sau nhiều lần nhắc nhở, Công ty TP có ý định là sẽ hoàn trả lại số tiền ban đầu cho Công ty RĐ. Công ty RĐ cũng đồng ý vì hai bên là chỗ quen biết, nhưng từ đó cho đến nay Công ty TP vẫn không hoàn trả lại số tiền trên cho Công ty RĐ.

Nay Công ty RĐ yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và trang trại vật dụng hoa màu trên đất số 12/HĐKT/2018 ngày 13/12/2018 giữa Công ty TP và Công ty RĐ, buộc Công ty TP trả lại cho Công ty RĐ số tiền 8.000.000.000 đ (tám tỷ đồng). Công ty RĐ không yêu cầu giải quyết hậu quả pháp lý của việc hủy

bỏ hợp đồng.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Công ty RĐ yêu cầu Công ty TP thanh toán lại cho Công ty RĐ số tiền là 5.000.000đ (năm triệu đồng). Ngoài ra, Công ty RĐ không yêu cầu gì khác.

* Trong quá trình làm việc, bị đơn Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ chăn nuôi Tấn Phát Đồng Nai do ông Nguyễn Văn P làm đại diện trình bày:

Công ty TP thống nhất trình bày của Công ty RĐ về nội dung hợp đồng chuyển nhượng số 12/HĐKT.2018 ngày 13/12/2018. Tuy nhiên, về số tiền thực hiện hợp đồng thì Công ty RĐ trình bày không đúng. Công ty TP do anh Nguyễn Tấn T làm đại diện có ký biên bản giao nhận tiền và bàn giao tài sản đất ngày 13/12/2018 thể hiện Công ty TP nhận của Công ty RĐ 8.000.000.000 đ (tám tỷ đồng) nhưng thực tế Công ty TP mới nhận của Công ty RĐ số tiền 1.000.000.000 đ (một tỷ đồng). Ông P cho rằng Công ty TP chỉ nhận có 1.000.000.000 đồng nhưng ký nhận 8.000.000.000 đồng là do ông Huỳnh Thành H sẽ bán cho Công ty TP căn nhà ở huyện Nhơn Trạch số tiền 7.000.000.000 đồng để khấu trừ tiền thanh toán của Công ty RĐ. Lý do ông H bán nhà để Công ty RĐ được khấu trừ nghĩa vụ thanh toán trong Hợp đồng chuyển nhượng số 12/HĐKT.2018 ngày 13/12/2018 đối với Công ty TP vì ông H có mối quan hệ làm ăn với bà Trương Thị Mỹ L (giám đốc Công ty RĐ) và ông H là con nuôi của bà Đỗ Thị T (mẹ bà L). Ông P không có chứng cứ chứng minh về mối quan hệ làm ăn giữa ông H và bà L và cũng không có chứng cứ Công ty TP thực tế chỉ nhận 1.000.000.000 đồng nhưng lại ký nhận 8.000.000.000 đồng của Công ty RĐ.

Sau khi nhận 1.000.000.000 đồng thì Công ty TP chưa bàn giao đất và tài sản gắn liền với đất thể hiện trong Hợp đồng chuyển nhượng số 12/HĐKT.2018 ngày 13/12/2018 cho Công ty RĐ. Do Công ty RĐ không thực hiện đúng thỏa thuận giai đoạn 1 thể hiện trong Hợp đồng số 12/HĐKT.2018 ngày 13/12/2018 nên Công ty TP không tiếp tục thực hiện giai đoạn 2 của Hợp đồng trên để Công ty RĐ trả nợ cho Ngân hàng Agribank, lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về để làm thủ tục sang tên như thỏa thuận. Hiện nay, Công ty TP đã trả nợ xong Ngân hàng Agribank nên đã giải chấp toàn bộ quyền sử dụng đất các thửa đất mà các bên thỏa thuận chuyển nhượng. Nay Công ty RĐ yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và trang trại vật dụng hoa màu trên đất số 12/HĐKT/2018 ngày 13/12/2018 thì Công ty TP đồng ý và không yêu cầu giải quyết hậu quả pháp lý của việc hủy bỏ hợp đồng. Đối với yêu cầu trả 8.000.000.000 đ (tám tỷ đồng) của Công ty RĐ thì Công ty TP không chấp nhận, chỉ đồng ý trả lại cho Công ty RĐ số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

* Trong quá trình làm việc, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị T trình bày:

Bà là Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó giám đốc Công ty RĐ. Bà là mẹ ruột của bà Trương Thị Mỹ L (Giám đốc Công ty RĐ). Bà là người đại diện của Công ty RĐ ký vào hợp đồng số 12/HĐKT/2018 ngày 13/12/2018 và biên bản giao

nhận tiền với Công ty TP. Công ty bà đã giao đủ cho Công ty TP số tiền 8.000.000.000 đ (tám tỷ đồng) chứ không phải 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) như ông P trình bày, hai bên đã lập biên bản giao nhận tiền và có ký tên đóng dấu của hai công ty. Bà không có yêu cầu khởi kiện độc lập trong vụ án này. Bà xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

* Người làm chứng ông Huỳnh Thành H trình bày:

Ông có mối quan hệ quen biết làm ăn đối với bà Đỗ Thị T (phó giám đốc Công ty Cổ phần phát triển RĐ), bà Trương Thị Mỹ L (Giám đốc Công ty RĐ) và ông Nguyễn Tấn Phát (là bố của ông Nguyễn Tấn T). Ngày 13 tháng 12 năm 2018 ông H có chứng kiến việc bà Đỗ Thị T giao cho ông Nguyễn Tấn Phát số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) để thực hiện hợp đồng giữa Công ty TP và Công ty RĐ, còn việc thỏa thuận cụ thể như thế nào ông không biết. Việc ông Nguyễn Tấn T và bà Đỗ Thị T ký vào biên bản giao nhận tiền và bàn giao tài sản đất thì ông H chỉ thấy bà T ký vào biên bản lúc giao tiền, còn anh T (con ông P) ký tại thời điểm khác và đóng dấu công ty thì ông H không chứng kiến. Trong biên bản trên thể hiện ông Nguyễn Tấn T (giám đốc Công ty TP) nhận của bà Đỗ Thị T (phó giám đốc Công ty RĐ) số tiền 8.000.000.000 đồng (tám tỷ đồng) nhưng thực tế ông H chỉ nhìn thấy việc bà T giao cho ông P số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) nhưng ông T ký với tư cách là giám đốc Công ty TP; tuy nhiên ông H không có chứng cứ gì cung cấp cho Tòa án.

Theo ông H, bà T mới giao cho ông P 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) nhưng bà T và ông P lại thỏa thuận nhận tiền và bàn giao tài sản đất với số tiền là 8.000.000.000 đồng (tám tỷ đồng) vì giữa ông H và ông Nguyễn Văn P có thỏa thuận: ông H sẽ bán cho ông P nhà và đất của ông H ở huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (ông H không nhớ rõ số tờ, số thửa) với giá 7.000.000.000 đồng (bảy tỷ đồng) cộng thêm số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) bà T giao cho ông P thành 8.000.000.000 đồng (tám tỷ đồng) như biên bản giao nhận tiền. Lý do ông H và ông P thỏa thuận bán nhà 7.000.000.000 tỷ đồng (bảy tỷ đồng) để khấu trừ vào số tiền Công ty RĐ giao cho Công ty TP vì giữa ông H và bà L có mối quan hệ làm ăn nên góp tiền làm ăn chung. Tuy nhiên ông H không có chứng cứ nào thể hiện ông H có mối quan hệ làm ăn với bà T, bà L.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định pháp luật về tố tụng, tuy nhiên Tòa án chưa tuân thủ đúng thời gian tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn và thời hạn giải quyết vụ án theo quy định tại các điều 159, 174 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng, bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

Về đường lối: căn cứ điều 117, 119, 122, 131, 500, 501, 502 Bộ luật dân sự 2015, Điều 167 Luật đất đai năm 2013. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần khai khoáng phát triển Rạng Đông. Tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và trang trại vật dụng hoa màu trên đất số 12/HĐKT/2018 ngày

13/12/2018, buộc Công ty TP trả lại số tiền 8.000.000.000 (tám tỷ đồng) cho Công ty cổ phần khai khoáng phát triển Rạng Đông.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Công ty Cổ phần phát triển RĐ có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và trang trại vật dụng hoa màu trên đất số 12/HĐKT/2018 ngày 13/12/2018 giữa Công ty Cổ phần phát triển RĐ và Công ty TNHH MTV TMDV chăn nuôi Tân Phát Đồng Nai nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Công ty TNHH MTV TMDV chăn nuôi TP có trụ sở tại ấp Tân Hợp, xã X, huyện XL, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Công ty RĐ khởi kiện Công ty TP, như vậy Công ty RĐ là nguyên đơn, Công ty TP là bị đơn theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Đỗ Thị T (Phó Giám đốc Công ty RĐ) là mẹ ruột bà Trương Thị Mỹ L - Giám đốc Công ty RĐ, ông Nguyễn Văn P (Phó Giám đốc Công ty TP) là cha ruột anh Nguyễn Tấn T - Giám đốc Công ty TP có tham gia vào việc giao nhận tiền nên bà T, ông P tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Anh T có văn bản ủy quyền cho ông Nguyễn Văn P làm người đại diện, văn bản ủy quyền phù hợp với quy định pháp luật, quyền lợi của các bên đương sự không đối lập nhau nên chấp nhận.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: ngày 13/12/2018, Công ty RĐ ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và trang trại vật dụng hoa màu trên đất và ký biên bản nhận tiền và bàn giao tài sản đất với Công ty TP, tuy nhiên các bên không thực hiện được các thỏa thuận trong hợp đồng. Ngày 17/7/2019, Công ty RĐ có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc. Như vậy, việc khởi kiện của Công ty RĐ là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 319 Luật thương mại.

[4] Về thủ tục tố tụng: ông Nguyễn Văn P - Phó Giám đốc Công ty TP (là đại diện theo ủy quyền của Công ty TP), đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai, nhưng ông P vẫn vắng mặt không có lý do, nên xét xử vắng mặt ông P tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 277 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Đỗ Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xét yêu cầu của Công ty RĐ:

[5.1] Về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và trang trại vật dụng hoa màu trên đất số 12/HĐKT/2018 ngày 13/12/2018 giữa Công ty RĐ và Công ty TP: Hai công ty thống nhất là hủy hợp đồng trên và không yêu cầu giải quyết hậu quả pháp lý của việc hủy bỏ hợp đồng nên ghi nhận.

[5.2] Về yêu cầu Công ty TP trả lại số tiền 8.000.000.000 (tám tỷ đồng): Ngày

13/12/2018 Công ty RĐ và Công ty TP có ký biên bản nhận tiền và bàn giao tài sản đất số 12.1/HĐKT.2018 trong đó thể hiện đại diện Công ty TP là ông Nguyễn Tấn T đã nhận đủ số tiền là 8.000.000.000 (tám tỷ đồng), ông T cũng thừa nhận chữ ký trên hợp đồng này là của ông T nhưng ông T cho rằng ông chỉ đứng tên công ty, còn việc giao dịch là do ông P (ba ruột ông) trực tiếp giao dịch với bà T, bà L. Tuy nhiên, ông P cho rằng công ty ông chưa nhận đủ số tiền trên, bà T mới giao cho ông P 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) nhưng bà T và ông P lại thỏa thuận nhận tiền và bàn giao tài sản đất với số tiền là 8.000.000.000 đồng (tám tỷ đồng) với lý do là mua bán thêm căn nhà của ông H như ông đã trình bày ở trên. Tuy nhiên, ông P không có chứng cứ gì chứng minh ông mới nhận 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Ông H không có chứng cứ nào thể hiện ông H có mối quan hệ làm ăn với bà T, bà L cũng như chứng cứ chứng minh ông P mới nhận 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Lời khai của ông H không được Công ty RĐ thừa nhận, do đó không có căn cứ chứng minh Công ty TP mới nhận 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Vì vậy, có cơ sở xác định Công ty TNHH MTV DV chăn nuôi TP có nhận của Công ty Cổ phần phát triển RĐ số tiền 8.000.000.000 đồng (tám tỷ đồng). Do đó, yêu cầu của Công ty RĐ là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về chi phí tố tụng: Buộc Công ty TP hoàn trả cho Công ty RĐ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản với số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

[7] Về án phí: Do yêu cầu của Công ty RĐ được chấp nhận nên Công ty TP phải nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 116.000.000 đồng (một trăm mười sáu triệu đồng).

[8] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 30, 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 312, 314, 319 Luật Thương mại; Điều 117, 119, 500, 501, 502 Bộ luật dân sự 2015; Điều 167 Luật đất đai năm 2013

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần phát triển RĐ:

Tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và trang trại vật dụng hoa màu trên đất số 12/HĐKT/2018 ngày 13/12/2018 giữa Công ty Cổ phần phát triển RĐ và công ty TNHH MTV TMDV Chăn nuôi TP buộc Công ty TNHH MTV TMDV Chăn nuôi TP trả lại số tiền 8.000.000.000 (tám tỷ đồng) cho Công ty Cổ phần phát triển RĐ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, mà người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ, thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả, theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Về chi phí tố tụng: Buộc Công ty TP hoàn trả cho Công ty RĐ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản với số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Về án phí: Buộc Công ty TNHH MTV TMDV chăn nuôi Tấn Phát Đồng Nai phải nộp 116.000.000 đồng (một trăm mười sáu triệu đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần phát triển RĐ số tiền 58.000.000đ (năm mươi tám triệu đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003140 ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.

Công ty Cổ phần phát triển RĐ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Công ty TNHH MTV TMDV chăn nuôi Tấn Phát được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- THA dân sự huyện Xuân Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.
- Lưu hồ sơ.

**Thẩm phán
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Huệ